|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số C04-Q** *(Ban hành theo Thông tư số 109/2018/TT-BTC  ngày 15/11/2018 của Bộ Tài chính)* |

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**--------------------

**HỢP ĐỒNG ỦY THÁC**

Số: xx./20xx/BTC-QTL

*- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 1/1/2017;*

*- Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*- Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*- Căn cứ Nghị định số 92/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về quản lý và sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ;*

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Bộ Tài chính, chúng tôi gồm:

**1. Bên ủy thác:**

**Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại - Bộ Tài chính (Sau đây gọi là Bên A)**

Địa chỉ : Số 28 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 04.2202828 Fax: 04.2208020

Đại diện bởi Ông (Bà) :

Chức vụ :Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại.

**2. Bên nhận ủy thác :**

Tên Ngân hàng : ….. **(Sau đây gọi là Bên B)**

Địa chỉ :

Điện thoại :                   Fax: ....

Đại diện bởi Ông (Bà) :

Chức vụ :

Tên tài khoản :......

Số tài khoản :.......

Tại ngân hàng   : ........

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng ủy thác với các điều khoản như sau:

**Điều 1: Định nghĩa**

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

*1.1. “Hợp đồng”:*được hiểu là hợp đồng ủy thác này

*1.2. “Số tiền ủy thác”*được hiểu là khoản tiền gốc mà Bên A ủy thác cho Bên B thực hiện quản lý và đầu tư theo hình thức quy định tại Điều 2 của Hợp đồng ủy thác này.

*1.3. “Lãi suất ủy thác”*được hiểu là mức lãi suất mà Bên B phải trả cho Bên A trong thời gian nhận ủy thác.

*1.4. “Thời hạn ủy thác”*được hiểu là khoảng thời gian thỏa thuận trong hợp đồng tính từ khi Bên A giao cho Bên B đến khi đáo hạn.

*1.5. “Thời gian ủy thác thực tế”*được hiểu là thời gian Bên B nhận vốn ủy thác cho đến khi đáo hạn hoặc đến ngày rút vốn trướn hạn theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.

*1.6. “Tiền lãi từ việc ủy thác”*được hiểu là khoản tiền mà Bên B phải trả cho Bên A trên cơ sở số tiền ủy thác, lãi suất tiền ủy thác và thời gian ủy thác thực tế.

*1.7. “Tài khoản ủy thác”*được hiểu là tài khoản mà Bên B mở cho Bên A khi nhận số tiền ủy thác của Bên A

**Điều 2: Nội dung ủy thác**

Bằng hợp đồng này, Bên A đồng ý ủy thác số tiền ghi tại Điểm 3.1, Điều 3 của Hợp đồng cho Bên B thực hiện việc quản lý và đầu tư thông qua các hoạt dộng kinh doanh ngân hàng và Bên B phải trả tiền lãi ủy thác hàng năm và tiền gốc cho Bên A theo các quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 5 của hợp đồng này.

**Điều 3: Số tiền, thời hạn, lãi suất**

*3.1. Số tiền ủy thác: .............. (Bằng chữ: ................)*

*3.2. Thời hạn ủy thác:*........... năm

Ngày hiệu lực: .../.../.....

Ngày đến hạn: .../.../.....

*3.3. Lãi suất ủy thác:*...%/năm

Lãi được tính trên cơ sở số ngày ủy thác thực tế trong năm.

Lãi suất ủy thác được cố định trong suốt thời hạn ủy thác.

**Điều 4: Thanh toán gốc và lãi**

4.1. Tiền lãi sẽ được thanh toán hàng năm vào các ngày .../.../....

- Số tiền lãi ủy thác hàng năm được tính theo công thức:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Số tiền lãi ủy thác | = | Số tiền ủy thác x Lãi suất x Số ngày ủy thác thực tế |
| 365 (ngày) |

4.2. Trường hợp đến ngày đến hạn hợp đồng ủy thác mà Bên A chưa có nhu cầu sử dụng số tiền gốc, Bên B sẽ chủ dộng chuyển sang kỳ hạn tiếp theo tương ứng với kỳ hạn ủy thác cũ. Lãi suất ủy thác của kỳ hạn tiếp theo do hai bên thỏa thuận.

4.3. Vào ngày đến hạn hợp đồng mà trước đó 30 (Ba mươi) ngày Bên A có văn bản thông báo cho Bên B về việc không tiếp tục gia hạn hợp đồng, Bên B sẽ chuyển trả số tiền gốc và lãi hàng năm vào Tài khoản Quỹ Tích lũy trả nợ của Bộ Tài chính:

4.3.1. Tài khoản trả lãi hàng năm:

Tên Tài khoản: CỤC QLN TCDN\_BTC\_QUỸ TLTN NƯỚC NGOÀI (THU KHÁC BẰNG USD)

Số tài khoản: 3761.0.9068453.91004 tại Sở Giao dịch, Kho bạc Nhà nước

Hoặc tài khoản khác theo chỉ dẫn của Bên A.

4.3.2. Tài khoản trả gốc:

Tên Tài khoản: CUC QLN TCDN\_BTC\_QUỸ TLTN NƯỚC NGOÀI (THU HỒI CHO VAY LẠI BẰNG USD)

Số tài khoản: 3761.0.9068446.91002 tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước

Hoặc tài khoản khác theo chỉ dẫn của Bên A.

4.4. Trường hợp các ngày đến hạn thanh toán lãi và/hoặc ngày đáo hạn hợp đồng rơi vào ngày nghỉ:

- Việc thanh toán lãi hàng năm của hợp đồng được thực hiện theo nguyên tắc: Nếu ngày đến hạn thanh toán lãi rơi vào ngày nghỉ thì Ngân hàng sẽ thực hiện chuyển trả tiền lãi vào ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ này.

- Trong trường hợp ngày đáo hạn của hợp đồng rơi vào ngày nghỉ và hai bên thống nhất tiếp tục gia hạn hợp đồng: Hợp đồng sẽ được gia hạn với số tiền gốc của hợp đồng và kỳ hạn mới bắt đầu từ ngày đáo hạn hợp đồng nói trên.

- Trong trường hợp ngày đáo hạn của hợp đồng rơi vào ngày nghỉ và hai bên không tiếp tục gia hạn hợp đồng: Bên B sẽ thực hiện chuyển số tiền gốc và số tiền lãi hàng năm vào ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ theo chỉ dẫn thanh toán của Bên A.

**Điều 5: Rút vốn ủy thác trước hạn và lãi suất rút trước hạn**

5.1. Trường hợp có nhu cầu rút vốn trước hạn (một phần hoặc toàn bộ), Bên A thông báo trước cho Bên B ít nhất 60 (Sáu mươi) ngày làm việc.

5.2. Đối với số tiền ủy thác rút trước hạn: Bên A được hưởng lãi ủy thác có lãi suất tương đương với lãi suất tiền gửi có kỳ hạn bằng (=) Lãi suất huy động tiền gửi tối đa tại thời điểm rút tiền do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định cho các kỳ hạn đủ tháng tương ứng với thời gian đã ủy thác. Đối với số ngày lẻ, Bên A được hưởng lãi ủy thác có lãi suất tương đương lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng ...(tên Ngân hàng ủy thác) tính trên số ngày thực tế ủy thác.

5.3. Đối với số tiền còn lại ủy thác tới hạn thanh toán: Bên A được hưởng lãi suất ủy thác ghi tại điều 3.3 Hợp đồng này.

**Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của các Bên:**

6.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- Yêu cầu Bên B thanh toán đầy đủ, đúng hạn cả Số tiền ủy thác gốc và lãi ủy thác.

- Thực hiện đúng cam kết tại Hợp đồng này.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- Mở tài khoản ghi nhận khoản tiền ủy thác này cho Bên A vào ngày hiệu lực và thống báo xác nhận bằng văn bản gửi cho Bên A.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn số tiền ủy thác gốc và lãi ủy thác theo thỏa thuận.

- Thực hiện đúng cam kết tại Hợp đồng này.

**Điều 7: Điều khoản chung**

Hai bên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã quy định trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp khó khăn, vướng mắc thì phải thông báo cho nhau biết để cùng bàn bạc, tìm biện pháp xử lý thích hợp. Mọi tranh chấp phát sinh giữa hai bên sẽ được giải quyết bằng thương lượng, nếu không đạt được thỏa thuận sẽ giải quyết thông qua Trọng tài kinh tế.

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký kết và được thanh lý khi Bên B trả đầy đủ gốc và lãi cho Bên A theo thỏa thuận.

Hợp đồng này được lập thành bốn (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ hai (01) bản gốc, Bên B giữ một (01) bản gốc.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |